

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ:

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Công Pháp Quốc Tế		
Mã học phần:	DLK0090	Số tin chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	231_71LAWS40023_01, 02, 03		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
<i>Thí sinh chỉ được tham khảo tài liệu bằng giấy:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 - + Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1
 - + Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Hiểu được khái niệm, đặc điểm, đối tượng điều chỉnh và bản chất của luật quốc tế, mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia, giải quyết sự xung đột pháp luật giữa luật quốc tế và luật quốc gia, hiểu được các loại nguồn của luật quốc tế, các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế	Trắc nghiệm	30%	Câu 1 -> Câu 15		
CLO 2	Nhận thức và có cái nhìn khách quan hơn	Trắc nghiệm	30%	Câu 16 -> Câu 30		

	về hệ thống pháp luật quốc tế so với hệ thống pháp luật quốc gia					
CLO 3	Phân tích đánh giá được các sự kiện pháp lý xảy ra trong thực tế đời sống quốc tế	Tự luận	20%	Câu hỏi số 1,2,3		
CLO 4	Vận dụng được các kiến thức của công pháp quốc tế để đưa vào thực tiễn đời sống quốc tế	Tự luận	15%	Câu hỏi số 2, 3,4		
CLO 5	Hình thành thói quen tư, học tập suốt đời và làm chủ việc chủ động tự học để nâng cao trình độ	Tự luận	5%	Câu hỏi số 4		

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá

bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đề án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (30 câu, 0.2 điểm/câu)

Anh/chị hãy chọn phương án đúng nhất trong những câu sau đây

Đối tượng điều chỉnh của Luật quốc tế là:

- A. Các quan hệ giữa các chủ thể luật quốc tế với nhau.
- B. Các quan hệ liên quốc gia
- C. Các quan hệ giữa các quốc gia thành viên Liên Hợp quốc
- D. Các quan hệ có yếu tố quốc tế

ANSWER: A

Luật quốc tế và luật quốc gia là hai hệ thống pháp luật:

- A. Độc lập nhưng có sự tác động qua lại lẫn nhau
- B. Thống nhất
- C. Độc lập
- D. Biệt lập

ANSWER: A

Vấn đề công nhận trong Luật quốc tế:

- A. Không tạo nên tư cách chủ thể của luật quốc tế đối với thực thể được công nhận.
- B. Là điều kiện bắt buộc để 1 quốc gia trở thành chủ thể của Luật quốc tế.
- C. Là điều kiện, phương tiện chính trị để các quốc gia thiết lập quan hệ với nhau trong quan hệ quốc tế vì lợi ích của quốc gia công nhận.
- D. Tất cả sai.

ANSWER: A

Các dân tộc đang đấu tranh giành quyền tự quyết được công nhận là chủ thể của luật quốc tế khi:

- A. Dân tộc đó đang bị đô hộ, nô dịch và đứng lên đấu tranh đồng thời thành lập được cơ quan lãnh đạo phong trào.
- B. Các dân tộc đó đang đấu tranh chống lại giai cấp đối kháng.
- C. Các dân tộc đó đang đấu tranh và thành lập được cơ quan lãnh đạo đại diện cho dân tộc đó.
- D. Dân tộc đó là dân tộc đang bị đô hộ, nô dịch mà đứng lên đấu tranh.

ANSWER: A

Bản chất của luật quốc tế là sự thỏa thuận, được thể hiện:

- A. Trong việc xây dựng các quy phạm pháp luật quốc tế và xác định phương thức áp dụng các quy phạm đó.
- B. Chọn luật quốc gia nào để điều chỉnh các quan hệ quốc tế.
- C. Chọn tòa án quốc gia nào để giải quyết tranh chấp quốc tế.
- D. Chọn biện pháp cưỡng chế riêng lẻ nào để bảo đảm cho luật quốc tế được tuân theo.

ANSWER: A

Quy phạm pháp luật quốc tế khác với các quy phạm đạo đức và các quy phạm chính trị ở chỗ:

- A. Chúng có tính bắt buộc chung
- B. Sự vi phạm không làm phát sinh trách nhiệm pháp lý cho chủ thể vi phạm
- C. Chúng được đảm bảo thực hiện bằng các cơ chế và biện pháp pháp lý
- D. Sự day dứt lương tâm là hình phạt cao nhất của chủ thể vi phạm

ANSWER: A

Giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế là:

- A. Nghĩa vụ pháp lý quốc tế của quốc gia;
- B. Quyền của các quốc gia;
- C. Quyền tùy nghi của các quốc gia
- D. Quyền dựa trên sự lựa chọn của quốc gia

ANSWER: A

Hành động đe dọa dùng vũ lực bị coi là vi phạm luật quốc tế khi quốc gia đó:

- A. Tập trung quân đội, hải quân, không quân, lục quân ở biên giới giáp với quốc gia khác
- B. Gửi tối hậu thư ca ngợi quốc gia khác
- C. Vi phạm thỏa thuận về sự có mặt của lực lượng vũ trang
- D. Tấn công xâm chiếm lãnh thổ quốc gia khác kể cả giới tuyến ngừng bắn

ANSWER: A

Một trong những trường hợp ngoại lệ của nguyên tắc cấm dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực là:

- A. Sử dụng lực lượng quân sự để tự vệ đồng thời thông báo ngay cho Hội đồng bảo an
- B. Gửi tối hậu thư đe dọa quốc gia khác
- C. Dùng phương tiện bay quân sự bay trên vùng trời của quốc gia khác
- D. Ca tụng vũ khí giết người hàng loạt

ANSWER: A

Một trong những trường hợp ngoại lệ của nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác là Hội đồng bảo an có quyền can thiệp vào:

- A. Cuộc xung đột vũ trang của bất cứ quốc gia nào nếu gây nguy hiểm cho nền hòa bình và an ninh quốc tế
- B. Cuộc đấu tranh giai cấp của bất cứ quốc gia nào
- C. Hoạt động lập pháp của bất cứ quốc gia nào nếu hoạt động đó không phù hợp với hiến chương Liên hợp quốc
- D. Công việc nội bộ của bất cứ quốc gia nào nếu ở đó vi phạm quyền cơ bản của công dân nước mình

ANSWER: A

Nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế là:

- A. Những quy phạm mệnh lệnh của luật quốc tế.
- B. Những quy phạm của luật quốc tế.
- C. Những quy phạm có tính chất bất biến.
- D. Những nguyên tắc này đều có những ngoại lệ

ANSWER: A

Nguồn của luật quốc tế gồm:

- A. Điều ước quốc tế, tập quán quốc tế và các nguyên tắc pháp luật chung
- B. Điều ước quốc tế và tập quán quốc tế
- C. Điều ước quốc tế, tập quán quốc tế, nghị quyết của tổ chức quốc tế liên chính phủ, phán quyết của tòa án quốc tế liên hợp quốc
- D. Gồm cả nguồn chính và nguồn bổ trợ

ANSWER: A

Điều ước quốc tế có thể có hiệu lực:

- A. Khi được các quốc gia thành viên kí chính thức hoặc phê chuẩn hoặc phê duyệt
- B. Khi được các bên tham gia hoàn thành thủ tục pháp lý nội bộ
- C. Khi được các bên tham gia kí ad referendum
- D. Khi được các bên trao đổi thư phê chuẩn hoặc thư phê duyệt cho nhau

ANSWER: A

Điều ước quốc tế và tập quán quốc tế:

- A. Có giá trị pháp lý ngang nhau
- B. Điều ước quốc tế có giá trị pháp lý cao hơn tập quán quốc tế
- C. Tập quán quốc tế có giá trị áp dụng cao hơn điều ước quốc tế
- D. Tập quán quốc tế có giá trị pháp lý cao hơn điều ước quốc tế.

ANSWER: A

Nhân viên hành chính kỹ thuật và nhân viên phục vụ nếu là công dân của nước nhận đại diện hoặc có nơi cư trú thường xuyên ở đó sẽ được hưởng các quyền ưu đãi và miễn trừ

- *A. Trong khi thi hành công vụ
- B. Tương đương như viên chức ngoại giao nhưng hạn chế hơn
- C. Do nước nhận đại diện quy định
- D. Áp dụng tương đương như viên chức ngoại giao nhưng có điều kiện cụ thể

ANSWER: A

Các quyền ưu đãi và miễn trừ của viên chức ngoại giao:

- *A. Được hưởng cả ở nước tiếp nhận và quốc gia thứ ba khi quá cảnh.

- B. Chỉ được hưởng tại nước tiếp nhận.
 - C. Được hưởng cả ở nước tiếp nhận, quốc gia thứ ba và trên lãnh thổ nước cử đi
 - D. Chỉ được hưởng tại nước cử đi
- ANSWER: A

Mọi điều ước quốc tế đều:

- A. Hình thành trên cơ sở thỏa thuận giữa các chủ thể luật quốc tế
 - B. Hình thành từ việc pháp điển hóa các tập quán quốc tế
 - C. Có giá trị pháp lý cao hơn so với tập quán quốc tế
 - D. Là những quy phạm mệnh lệnh của luật quốc tế
- ANSWER: A

Tên gọi cho từng loại điều ước quốc tế là do:

- A. Các chủ thể ký kết điều ước quốc tế đó thỏa thuận quy định.
 - B. Được quy định cụ thể trong luật quốc tế.
 - C. Do từng quốc gia thành viên quy định.
 - D. Nước chủ nhà tổ chức lễ ký kết điều ước quốc tế đó quy định.
- ANSWER: A

Phê chuẩn điều ước quốc tế là hành vi:

- A. Công nhận hiệu lực của điều ước quốc tế
 - B. Công nhận văn bản điều ước quốc tế
 - C. Ghi nhận kết quả đàm phán đã thành công
 - D. Bác bỏ hiệu lực của điều ước quốc tế.
- ANSWER: A

“Nội luật hóa” điều ước quốc tế là hoạt động:

- A. Chuyển hóa các quy định của điều ước quốc tế vào pháp luật quốc gia
 - B. Ký kết điều ước quốc tế và thừa nhận tập quán quốc tế
 - C. Công nhận giá trị pháp lý và giá trị áp dụng của luật quốc tế trên lãnh thổ quốc gia
 - D. Giải thích, làm sáng tỏ nội dung thật của điều ước quốc tế mà quốc gia là thành viên.
- ANSWER: A

Điều ước ràng buộc nghĩa vụ đối với quốc gia thứ ba khi:

- A. Quốc gia thứ ba chấp nhận bằng văn bản.
 - B. Quốc gia thứ ba im lặng chấp thuận.
 - C. Được ½ thành viên của Điều ước quốc tế đó đồng ý.
 - D. Được Đại hội đồng Liên hợp quốc yêu cầu.
- ANSWER: A

Trên thực tế, luật quốc tế có các phương pháp công nhận là:

- A. Công nhận minh thị và công nhận mặc thị.
 - B. Công nhận song phương và công nhận đa phương.
 - C. Công nhận Dejure và công nhận Defacto.
 - D. Công nhận Dejure và công nhận Adhoc.
- ANSWER: A

Sự khác nhau giữa công nhận quốc gia mới và công nhận chính phủ mới thể hiện ở chỗ:

- A. Công nhận quốc gia mới là công nhận một chủ thể mới đang tồn tại trên trường quốc tế còn công nhận chính phủ mới là công nhận người đại diện cho quốc gia trong quan hệ quốc tế
- B. Công nhận quốc gia mới là công nhận thành viên mới của Liên hợp quốc còn công nhận chính phủ mới là công nhận một chủ thể đang tồn tại
- C. Công nhận quốc gia mới là công nhận người đại diện hợp pháp cho quốc gia còn công nhận chính phủ mới là công nhận một thực thể mới xuất hiện
- D. Công nhận quốc gia mới phải có điều kiện còn công nhận chính phủ mới không cần điều kiện

ANSWER: A

Hình thức công nhận Dejure là:

- A. Sự công nhận chính thức
- B. Sự công nhận không chính thức
- C. Sự công nhận có điều kiện
- D. Sự công nhận thực tế

ANSWER: A

Công nhận adhoc là:

- A. Sự công nhận mang tính vụ việc, lâm thời
- B. Sự công nhận chính thức
- C. Sự công nhận gián tiếp
- D. Sự công nhận có điều kiện

ANSWER: A

Quyền năng chủ thể luật quốc tế của quốc gia là:

- A. Thuộc tính tự nhiên, vốn có của quốc gia.
- B. Do sự công nhận của các quốc gia khác quyết định.
- C. Được xác định từ khi quốc gia hình thành và có ít nhất 02 quốc gia khác công nhận.
- D. Do Liên hợp quốc công nhận.

ANSWER: A

Cấp bậc ngoại giao khác với hàm ngoại giao ở chỗ :

- *A. Cấp bậc ngoại giao do Luật Quốc tế quy định còn hàm ngoại giao do Luật trong nước quy định
- B. Cấp bậc ngoại giao nhiều hơn so với hàm ngoại giao
- C. Cấp bậc ngoại giao do luật trong nước quy định còn hàm ngoại giao do Luật Quốc tế quy định
- D. Cấp ngoại giao được ghi nhận trong Công ước Viên 1961 về quan hệ ngoại giao còn hàm ngoại giao được ghi nhận trong Công ước Viên 1963 về quan hệ lãnh sự

ANSWER: A

Thành viên của một cơ quan đại diện ngoại giao là:

- *A. Tất cả những người công tác trong cơ quan đại diện ngoại giao đó
- B. Tất cả những người có hàm và chức vụ ngoại giao
- C. Chỉ những người có chức vụ ngoại giao

D. Chỉ những người có hàm ngoại giao.

ANSWER: A

Cưỡng chế trong luật quốc tế:

A. Do chính các chủ thể của luật quốc tế thực hiện trên cơ sở luật quốc tế.

B. Trong mọi trường hợp, phải dựa trên cơ sở quyết định của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc

C. Chỉ là các biện pháp vũ trang

D. Chỉ mang tính tập thể

ANSWER: A

Giải quyết xung đột giữa luật quốc tế và luật quốc gia:

A. Quốc gia thường ưu tiên áp dụng các quy phạm luật quốc tế để giải quyết.

B. Ban hành những văn bản quy phạm pháp luật mới.

C. Quốc gia chỉ cần sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật đang hiện hành.

D. Các quy phạm pháp luật quốc tế chỉ có thể áp dụng sau khi đã được nội luật hóa

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (tổng số câu hỏi + thang điểm từng câu hỏi)

Câu 1: Bảo hộ công dân là giải phóng cho công dân đó khỏi sự tài phán của quốc gia mà người nó đang cư trú (1 điểm)

Câu 2: Tính chất chủ quyền quốc gia đối với biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển là như nhau (1 điểm)

Câu 3: Bị tước quốc tịch và đương nhiên mất quốc tịch là hoàn toàn giống nhau (1 điểm)

Câu 4: Một trong những điểm lợi của người hai quốc tịch là thuận lợi trong việc kết hôn có yếu tố nước ngoài (1 điểm)

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

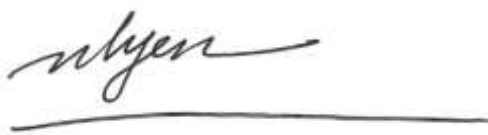
Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		6.0	
Câu 1 - 30	A	0.2đ/câu	Nhờ Phòng khảo thí trộn đề thi hộ
II. Tự luận		4.0	
Câu 1	Bảo hộ công dân là giải phóng cho công dân đó khỏi sự tài phán của quốc gia mà người nó đang cư trú		

	<p>=> SAI</p> <p>Bảo hộ công dân là sự giúp đỡ của nhà nước đối với công dân nước mình ở nước ngoài để đối phó với chính phủ nước sở tại gây thiệt hại cho công dân nước mình</p> <p>Vì vậy nếu công dân nước mình ở nước ngoài vi phạm pháp luật của quốc gia sở tại thì quốc gia sở tại có quyền tài phán với người vi phạm đó. Quốc gia mà người đó là công dân không có quyền can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia nước ngoài kia</p>	<p>(0.25 điểm)</p> <p>(0.25 điểm)</p> <p>(0.5 điểm)</p>	
Câu 2	<p>Tinh chất chủ quyền quốc gia đối với biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển là như nhau</p> <p>=> SAI</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với biên giới quốc gia trên đất liền, quốc gia có chủ quyền hoàn toàn và tuyệt đối. Pháp luật quốc tế và pháp luật của các quốc gia đều nghiêm cấm các hành vi xâm phạm biên giới quốc gia dưới bất kỳ hình thức nào, luật quốc gia đều coi hành vi xâm phạm biên giới trái phép là vi phạm pháp luật hình sự - Đối với biên giới quốc gia trên biển là ranh giới phía ngoài của lãnh hải thì quốc gia chỉ có chủ quyền hoàn toàn và đầy đủ bởi theo điều 17 công ước 1982 về luật biển thì tàu thuyền nước ngoài có quyền qua lại vô hạn trong lãnh hải của các quốc gia ven bờ 	<p>(0.25 điểm)</p> <p>(0.25 điểm)</p> <p>(0.5 điểm)</p>	
Câu 3	<p>Bị tước quốc tịch và đương nhiên mất quốc tịch là hoàn toàn giống nhau</p> <p>=> SAI.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tước quốc tịch là biện pháp trừng phạt của nhà nước đối với công dân nước mình ở nước ngoài khi họ không còn xứng đáng với danh hiệu công dân - Còn đương nhiên mất quốc tịch không phải là biện pháp trừng phạt 	<p>(0.25 điểm)</p> <p>(0.25 điểm)</p> <p>(0.25 điểm)</p>	

	<p>mà do pháp luật quy định để tránh tình trạng 2 quốc tịch</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi công dân của họ đi ra nước ngoài tham gia vào lực lượng vũ trang của nước ngoài hoặc tham gia vào bộ máy chính quyền của nước ngoài và không có ý định trở về nước sinh sống 	(0.25 điểm)	
Câu 4	<p>Một trong những điểm lợi của người hai quốc tịch là thuận lợi trong việc kết hôn có yếu tố nước ngoài.</p> <p>=> SAI</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai quốc tịch là tình trạng pháp lý cùng một lúc có quốc tịch của hai nước - Người có hai quốc tịch vừa có những điểm lợi, vừa có những điểm bất lợi, điểm lợi của người có hai quốc tịch đó là được hưởng quyền và lợi ích từ hai quốc gia mà họ mang quốc tịch và thuận lợi trong việc xuất nhập cảnh, cư trú, đi lại từ phía hai quốc gia mà họ mang quốc tịch 	<p>(0.25 điểm)</p> <p>(0.25 điểm)</p> <p>(0.5 điểm)</p>	
	Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 11 năm 2023

Người duyệt đề



Nguyễn Thị Yên

Giảng viên ra đề



Nguyễn Thị Yên